

Gia đình và hoạt động chăm sóc trẻ em ở Hà Nội

Trần Quý Long
Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới

Tóm tắt: Nghiên cứu chăm sóc trẻ em trong gia đình ở Hà Nội cho thấy sự phân công lao động vẫn có sự tách biệt rõ rệt về giới. Vai trò của người mẹ không thay đổi khi so sánh giữa các khu vực cư trú hay giữa những nhóm gia đình có mức sống khác nhau. Vai trò của người bố cũng được phát huy nhưng ở tỷ lệ thấp hơn. Việc chăm sóc con cái trong gia đình chủ yếu do cả hai vợ chồng cùng quyết định và mô hình quyết định này có mối liên hệ với nơi cư trú và mức sống. Quan niệm vợ là người chịu trách nhiệm chăm sóc dạy dỗ con cái được tìm thấy ở đa số người trả lời và có sự khác biệt về giới tính, nghề nghiệp và mức sống.

Từ khóa: Trẻ em; Chăm sóc trẻ em; Gia đình; Vai trò giới; Vai trò giới trong gia đình.

1. Mở đầu

Trẻ em phải trải qua một thời kỳ dài trưởng thành trước khi trở thành một cá nhân độc lập, có khả năng tự sinh sống. Trong thời kỳ này, trẻ em cần được chăm sóc, bảo vệ và giúp đỡ. Nếu không, trẻ em sẽ đối mặt với rất nhiều nguy cơ về sức khỏe, bệnh tật, sự sống còn và phát triển. Hầu hết trẻ em được sinh ra, nuôi dạy và lớn lên cùng gia đình; và trong môi

trường giáo dục quan trọng này, trẻ em bị chi phối bởi hoạt động sống của hộ gia đình.

Nghiên cứu này nhằm tìm câu trả lời cho các câu hỏi sau: (1) Ai đảm nhận/quyết định hoạt động chăm sóc trẻ em trong gia đình ở Hà Nội? (2) Yếu tố nào ảnh hưởng đến hành vi chăm sóc cho trẻ em của các thành viên trong gia đình? Và (3) Quan niệm về người chăm sóc trẻ em và những yếu tố ảnh hưởng đến quan niệm này?

Nghiên cứu này được thực hiện dựa trên số liệu của cuộc khảo sát “Nhận thức và thái độ về gia đình ở Việt Nam” do Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới thực hiện năm 2010-2011 ở Hà Nội. Cuộc khảo sát được tiến hành ở 4 quận nội thành, 4 huyện giáp nội thành và 4 huyện xa nội thành. Ở mỗi quận/huyện chọn ngẫu nhiên 2 phường/xã và mỗi phường/xã thực hiện 50 mẫu nghiên cứu. Tổng cộng có 1.213 gia đình được phỏng vấn ở 24 phường/xã. Nghiên cứu cũng sử dụng dữ liệu định tính thu được từ các thảo luận nhóm (TLN) của cuộc khảo sát về Nhu cầu hưởng thụ văn hóa của người dân Hà Nội tiến hành cùng thời điểm với cuộc khảo sát nói trên nhưng với 1.211 gia đình khác nhằm hỗ trợ hoặc giải thích thêm cho các phát hiện từ số liệu định lượng.

2. Điểm luận

Chăm sóc trẻ em được thực hiện thông qua sự phân công lao động trong gia đình và vẫn mang tính chất phân biệt giới rõ rệt. Mặc dù các thành viên trong gia đình cùng chia sẻ công việc chăm sóc trẻ, nhưng nhìn chung trách nhiệm này trước hết thuộc về người mẹ, với tỉ lệ cao hơn rất nhiều so với người bố (Vũ Mạnh Lợi, 2004; Trần Thị Vân Anh và Nguyễn Hữu Minh, 2008; Trần Quý Long, 2008; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan khác, 2008; Lê Thi, 2009).

Phụ nữ là người chăm sóc người già đồng thời là người nuôi dưỡng thế hệ tiếp theo. Tuy nhiên, hầu hết công việc của phụ nữ đều không được công nhận, vô hình và không được trả công. Họ phải làm việc trong điều kiện thiếu sự dàn xếp trong gia đình, phải thực hiện đồng thời vai trò người nội trợ và người lao động ngoài gia đình (Trần Quý Long, 2008). Phụ nữ tham gia nhiều ở mức độ khác nhau xoay quanh nghề nghiệp chính, nội trợ, chăm sóc trẻ em và những hoạt động phụ để tăng thêm thu nhập, do đó tạo thêm căng thẳng cho họ (UNICEF Việt Nam, 2000).

Nghiên cứu về sự phân công lao động trong việc chăm sóc con cái cho thấy chưa có sự thay đổi nhiều so với quá khứ. Các biến đổi xã hội lớn đã diễn ra ở Việt Nam trong những năm qua dường như không tác động nhiều

tối vai trò giới. Các giá trị truyền thống về gia đình có sức sống bền bỉ và tồn tại vượt lên trên các biến đổi xã hội. Mặc dù mức độ tham gia của nam giới đang tăng lên nhưng phụ nữ vẫn tiếp tục đóng vai trò lớn trong công việc nội trợ và chăm sóc con cái (John Knodel và những người khác, 2008). Khu vực cư trú có mối liên hệ với việc phân công lao động trong chăm sóc trẻ em, người vợ ở khu vực thành thị có tỷ lệ chăm sóc trẻ em cao hơn khu vực nông thôn trong khi tỉ lệ hai vợ chồng cùng tham gia chăm sóc trẻ em ở khu vực nông thôn lại cao hơn khu vực thành thị (Trần Thị Vân Anh và Nguyễn Hữu Minh 2008). Trong những gia đình cư trú ở khu vực nông thôn, người bố có khả năng tham gia vào hoạt động chăm sóc con cái thấp hơn những gia đình khác (Trần Hữu Bích, 2010).

Vai trò chăm sóc con cái trong gia đình của người cha vẫn còn hạn chế do họ được coi là trụ cột kinh tế, chỉ chịu trách nhiệm giáo dục con cái về các hành vi đạo đức, không có vai trò trong việc tham gia chăm sóc trẻ em (UNICEF Việt Nam, 2000). Vai trò của người chồng trong việc chăm sóc dạy dỗ con cái bị giảm sút là do khi con còn nhỏ thì người vợ đảm nhận, khi con lớn thì khoán cho nhà trường (Lê Thi, 1995). Nhận thức truyền thống vẫn còn tồn tại nên làm giảm sự tham gia của nam giới trong hoạt động chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ em (Vũ Tuấn Huy và Deborah S. Carr, 2000; Mai Huy Bích, 2003).

Một số nghiên cứu cho thấy những biến đổi kinh tế, văn hóa, xã hội liên quan đến tuổi thơ đã và đang ảnh hưởng lớn tới vai trò làm cha (Vũ Tuấn Huy, 1996; Mai Huy Bích, 2003). Công việc chăm sóc đứa con đầu từ 3-6 tuổi trong những nhóm kết hôn gần đây ở một tỉnh đồng bằng sông Hồng có sự chia sẻ nhiều hơn của người chồng (Vũ Mạnh Lợi, 2004). Ngày càng có nhiều đàn ông tham gia vào việc chăm sóc con cái và người chồng ở miền Bắc tham gia nhiều hơn (John Knodel và những người khác, 2008).

Không phải chỉ con cháu là chỗ dựa của cha mẹ mà bản thân cha mẹ cũng là chỗ dựa cho con cháu trong cuộc sống hàng ngày. Kết quả Điều tra Gia đình Việt Nam năm 2006 cho biết: không có sự khác biệt rõ rệt giữa người cao tuổi thành thị và nông thôn về các hình thức hỗ trợ con cháu, trong đó có việc chăm sóc cháu. Đặc biệt đối với gia đình trẻ, thu nhập thấp hay thu nhập không ổn định thì sự hỗ trợ của bố mẹ gần như là phương án tối ưu trong thời gian nuôi con nhỏ (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan khác, 2008).

Có sự khác biệt giữa chồng và vợ trong việc đánh giá vai trò chăm sóc con cái. Nam giới thừa nhận người phụ nữ có vai trò trong chăm sóc con cái nhiều hơn họ (Vũ Tuấn Huy, 1996). Điều tra Gia đình Việt Nam năm

2006 cho thấy không có sự khác biệt trong quan niệm về trách nhiệm của người vợ/người mẹ trong chăm sóc con cái giữa các nhóm tuổi vị thành niên, người cao tuổi và người trưởng thành 18-60 tuổi.

Việc tham gia quyết định các công việc trong gia đình thể hiện địa vị và quyền lực của mỗi giới, trong đó có vấn đề quyết định việc chăm sóc nuôi dưỡng con cái. Lê Thi (2009) nhận xét rằng, theo quan niệm truyền thống, người chồng là người quyết định hầu hết các công việc quan trọng, trong đó có vấn đề chăm sóc nuôi dưỡng trẻ em.

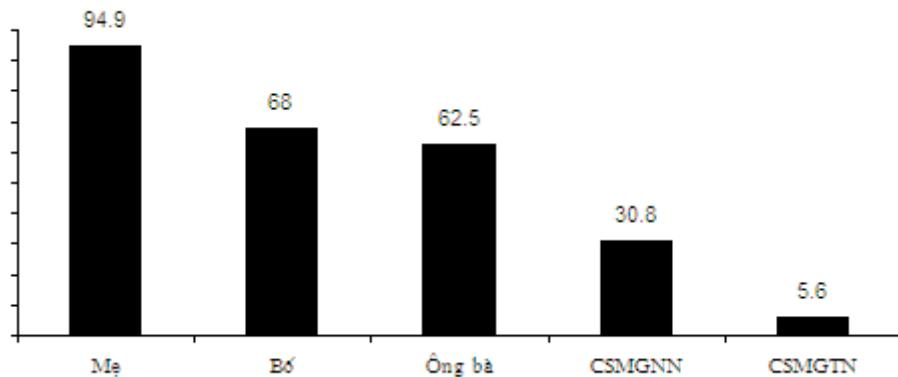
3. Hoạt động chăm sóc trẻ em trong gia đình ở Hà Nội

3.1. Những người chăm sóc trẻ em

Theo kết quả khảo sát, trong số 629 gia đình có trẻ em dưới 6 tuổi hoặc dưới 15 tuổi mà vẫn cần chăm sóc thì việc chăm sóc con nhỏ trong gia đình chủ yếu do người mẹ đảm nhận. Biểu đồ 1 cho thấy 94,9% ý kiến trả lời người chăm sóc trẻ em trong gia đình là người mẹ. Người bố tham gia việc chăm sóc trẻ em ở mức độ thấp hơn, khoảng 68%. Tỷ lệ ông bà hai bên tham gia chăm sóc trẻ em là 62,5%. Ngoài ra, trẻ em còn được chăm sóc ở cơ sở mẫu giáo công (CSMGNN) với tỷ lệ 30,8% và ở cơ sở mẫu giáo tư nhân (CSMGTN) chỉ có 5,6%.

Sự xuất hiện của các bậc ông bà giúp giảm gánh nặng chăm sóc trẻ em trong gia đình. Với những người sống cùng hoặc sống gần gia đình, việc chăm sóc trẻ có thể đã được ông bà chia sẻ, do đó cha mẹ không phải chịu đựng sự căng thẳng đặc biệt. Hộ gia đình mở rộng là một cách tổ chức đời sống hợp lý, nhờ vậy mà các bậc cha mẹ có thể tự do làm việc trong

Biểu đồ 1. Tỷ lệ đối tượng tham gia chăm sóc trẻ em (%)

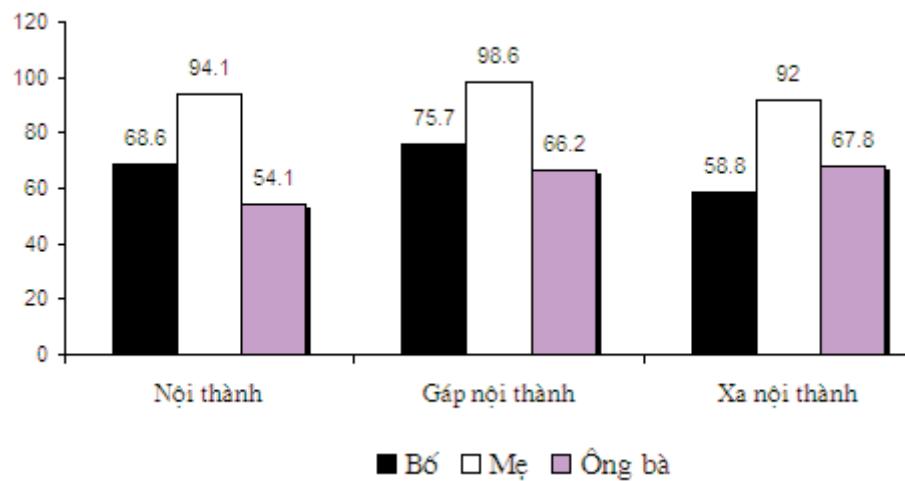


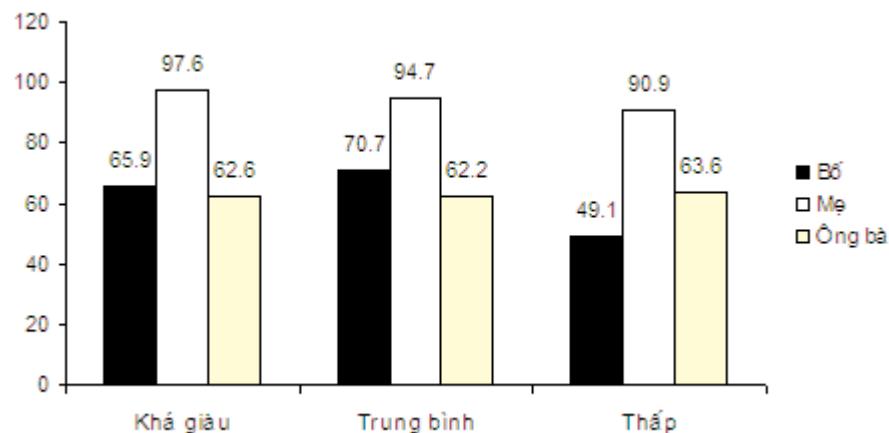
suốt nhiều giờ ở nơi làm việc, trong khi ông bà và trẻ em lớn tuổi hơn tham gia trông coi trẻ nhỏ. Các bậc ông bà, với kinh nghiệm của mình, đã giúp sức rất nhiều trong việc nuôi dạy, chăm sóc trẻ, góp phần tăng cường tính năng động của đời sống gia đình hiện nay.

Kết quả phân tích ở Biểu đồ 2 cho thấy không có sự khác biệt nơi cư trú đối với việc chăm sóc con cái của người mẹ, nhưng ở người bố và ông bà có sự khác nhau ($p<0,001$). Ở khu vực xa nội thành, tỷ lệ người bố tham gia chăm sóc con cái thấp hơn khu vực nội thành và giáp nội thành (58,8% so với 75,7% và 68,6%). Có thể là do các gia đình ở nội thành và giáp nội thành thường là các gia đình hạt nhân nên người chồng phải chia sẻ công việc chăm sóc trẻ em cao hơn so với khu vực ngoại thành. Cũng có thể ở những xã xa nội thành, người chồng thường phải đi làm ăn xa nên không có thời gian và điều kiện quan tâm chăm sóc con cái bằng những người chồng ở khu vực nội thành.

Tỷ lệ ông bà chăm sóc cháu tăng dần từ nội thành ra ngoại thành (nội thành 54,1%, giáp nội thành 66,2%, xa nội thành 67,8%). Qua đó cho thấy do sự cư trú tách biệt và dịch vụ trông trẻ em ở khu vực nông thôn còn hạn chế nên tỷ lệ ông bà ở khu vực này đảm nhiệm việc trông cháu cao hơn khu vực nội thành. Ngoài ra, tư tưởng truyền thống vẫn còn bảo lưu trong xã hội nông thôn, nơi việc chăm lo cho cháu chất luôn được coi là trách nhiệm của thế hệ ông bà.

Biểu đồ 2. Đối tượng tham gia chăm sóc trẻ em theo nơi cư trú (%)



Biểu đồ 3. Đối tượng tham gia chăm sóc trẻ em theo mức sống (%)

“Mọi công việc các cụ ở với mình các cụ đỡ cho mình nhiều chứ. Như bọn em giờ cực kỳ sướng. Con cái toàn các cụ lo cho. Các cụ không để ý cho thì khổ” (TLN, nữ, xã Mê Linh).

“Người ta nói nước mắt chảy xuôi, đời bố lo cho con, lo cho cháu. Ở nông thôn chúng tôi khác hoàn toàn so với thành phố. Cộng đồng ở nhiều năm, đời con dựa đời cha, không thể không được.” (TLN, nam, xã Văn Khê).

Việc tham gia chăm sóc con cái của người bố có sự khác biệt theo mức sống gia đình ($p<0,001$), tỷ lệ người bố chăm sóc con cái ở gia đình mức sống khá trở lên là 65,9%, ở gia đình trung bình là 70,7%, và ở gia đình có mức sống thấp là khoảng 50% (Biểu đồ 3). Kết quả phân tích cho thấy người mẹ ở nhóm gia đình có mức sống thấp có xu hướng chăm sóc trẻ em thấp hơn ở các gia đình mức sống cao hơn.

Đối tượng chăm sóc trẻ em khác không có sự khác nhau khi phân tích theo mức sống. Nghĩa là dù gia đình có mức sống như thế nào thì sự chăm sóc của ông bà vẫn là giống nhau. Kết quả này phù hợp với Điều tra Gia đình Việt Nam 2006 và qua đó cho thấy, mặc dù có sự khác nhau về địa vị kinh tế, nhưng tình yêu thương và trách nhiệm thì giống nhau giữa các bậc ông bà trong các gia đình có mức sống khác nhau.

3.2. Quyết định chăm sóc dạy dỗ con cái

Việc tham gia vào những quyết định trong các công việc trong gia đình thể hiện địa vị và quyền lực của mỗi giới. Khoảng 40% các gia đình thuộc

đối tượng khảo sát cho rằng hai vợ chồng cùng quyết định việc chăm sóc dạy dỗ con cái. 33,5% và 26,5% cho rằng người quyết định cuối cùng việc này là người vợ và người chồng. Thông tin định tính từ các cuộc thảo luận nhóm người dân cho thấy quyền quyết định các công việc trong gia đình, trong đó có việc chăm sóc dạy dỗ con cái đã có sự thay đổi. Người vợ bây giờ chủ động tham gia bàn bạc cùng với người chồng, còn người chồng không còn áp đặt như trước.

“Em không biết gia đình khác như thế nào, gia đình em em thấy bình đẳng, vợ đi tham gia công tác xã hội, về nhà thấy có việc gì là chồng cùng làm luôn chứ không để vợ làm một mình. Hoặc là cách dạy con cái như em không phân biệt”
[TLN dân, nữ giới, xã Mê Linh].

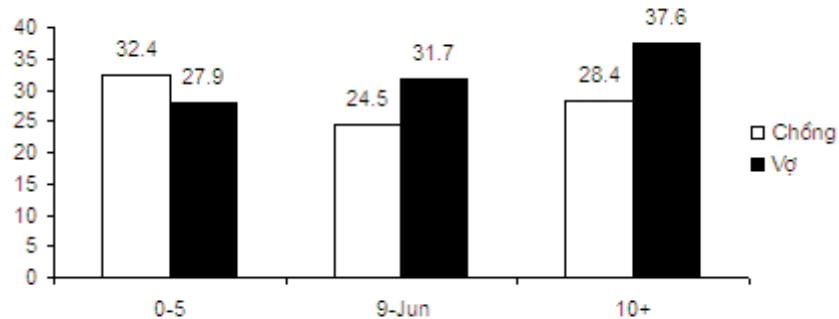
Xét theo nơi cư trú, tỷ lệ người chồng quyết định chính việc chăm sóc dạy dỗ con cái là cao nhất ở khu vực xa nội thành (31%), trong khi tỷ lệ này ở hai khu vực nội thành và giáp nội thành là khoảng 24%. Kết quả này cho thấy ở khu vực xa ngoại thành, quyền quyết định các vấn đề trong gia đình vẫn còn ảnh hưởng của truyền thống văn hóa, mọi việc trong gia đình vẫn do người chồng đảm nhiệm. Không có sự khác biệt tỷ lệ người vợ quyết định chính việc chăm sóc dạy dỗ con cái khi phân tích theo khu vực. Dù cư trú ở nội thành hay xa nội thành, tỷ lệ người vợ quyết định việc chăm sóc dạy dỗ con cái vẫn bằng với tỷ lệ trung bình, khoảng 33%. Tỷ lệ hai vợ chồng cùng quyết định việc chăm sóc dạy dỗ con cái ở khu vực xa nội thành thấp hơn khu vực nội thành và giáp nội thành, 35% so với khoảng 42%.

Mức sống gia đình không có ảnh hưởng đến quyền quyết định cách thức chăm sóc dạy dỗ con cái của người chồng, duy trì ở mức 27% dù ở mức sống giàu, khá, trung bình hay nghèo (Bảng 1). Trong khi đó, mức sống gia đình có ảnh hưởng đến quyền quyết định việc chăm sóc dạy dỗ

Bảng 1. Tỷ lệ người quyết định chính việc chăm sóc dạy dỗ con cái (%)

		Chồng	Vợ	Chồng = Vợ
Nơi cư trú	Nội thành	23,6	33,6	42,7
	Giáp nội thành	24,7	33,0	42,3
	Xa nội thành	31,0	33,9	35,1
Mức sống	Khá giàu	26,6	31,7	41,7
	Trung bình	26,4	32,8	40,8
	Nghèo	27,6	43,7	28,7

Biểu đồ 4. Người quyết định chính việc chăm sóc dạy dỗ con cái theo học vấn (%)



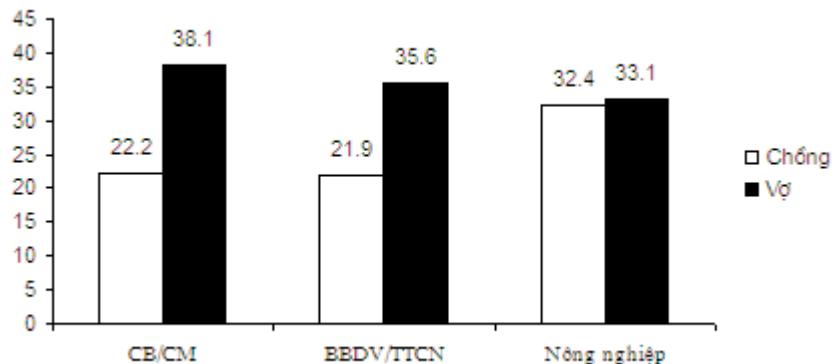
con cái của người vợ. Tỷ lệ người vợ quyết định công việc chăm sóc dạy dỗ con cái ở gia đình có mức sống nghèo là 43,7% trong khi tỷ lệ này ở những gia đình có mức sống khá giả và trung bình khoảng 32%.

Học vấn của người chồng không có mối liên hệ với quyền quyết định của họ trong việc chăm sóc dạy dỗ con cái (Biểu đồ 4). Ngược lại, học vấn của người vợ có ảnh hưởng đến quyền quyết định việc chăm sóc dạy dỗ con cái của họ. Cụ thể, tỷ lệ quyết định chính việc chăm sóc con cái ở những người vợ có học vấn lớp 0-5 là khoảng 27%, ở nhóm phụ nữ có học vấn lớp 6-9 là 31,7% và ở nhóm lớp 10 trở lên là 37%. Qua đó cho thấy ảnh hưởng truyền thống trong quyền quyết định ở nam giới vẫn được duy trì dù cho họ có học vấn cao hay thấp nhưng ở người phụ nữ thì học vấn không chỉ giúp họ có kiến thức mà còn giúp họ có quyền quyết định hơn trong việc chăm sóc dạy dỗ con cái.

Nghề nghiệp của vợ và chồng có tác động trái ngược trong quyền quyết định việc chăm sóc dạy dỗ con cái của họ. Những người chồng làm nông nghiệp có tỷ lệ quyết định là 32,4% và giảm dần ở những người nghề buôn bán dịch vụ/tiểu thủ công nghiệp và những người làm cán bộ/công tác chuyên môn (khoảng 22%) trong khi đó tỷ lệ này ở những người vợ làm nông nghiệp là 33,1% và tăng dần lên mức 35,6% và 38,1% ở những người làm nghề buôn bán dịch vụ/tiểu thủ công nghiệp và những người là cán bộ/công tác chuyên môn (Biểu đồ 5).

Có hai giả thuyết lý giải lý do người chồng làm nông nghiệp có tỷ lệ quyết định chính việc chăm sóc dạy dỗ con cái cao hơn những người làm cán bộ chuyên môn hay buôn bán dịch vụ. Thứ nhất là do những giá trị truyền thống về quyền lực của người đàn ông trong gia đình vẫn còn tồn

Biểu đồ 5. Người quyết định chính việc chăm sóc dạy dỗ con cái theo nghề nghiệp (%)



tại mạnh mẽ trong các gia đình làm nông nghiệp và thứ hai là do những người làm cán bộ/công tác chuyên môn hoặc buôn bán dịch vụ bận rộn với công việc, không có thời gian nên nhường quyền đó cho người vợ. Người vợ là cán bộ viên chức hoặc có nghề nghiệp chuyên môn có tỷ lệ quyết định cuối cùng việc chăm sóc dạy dỗ con cái cao hơn những phụ nữ làm nông nghiệp có thể bởi vì họ có học vấn cao hơn, tiếp cận được với nhiều thông tin hơn nên có sự chủ động hơn.

3.3. Quan niệm về người chịu trách nhiệm chăm sóc dạy dỗ con cái

1.078 người đang có vợ/chồng tham gia trả lời câu hỏi ai là người nên chịu trách nhiệm chăm sóc dạy dỗ con cái. 60% cho rằng mô hình chăm sóc dạy dỗ con cái trong gia đình nên dành cho cả chồng và vợ. Số còn lại cho rằng hoặc người chồng hoặc người vợ chịu trách nhiệm, trong đó, 28% cho rằng người vợ nên chịu trách nhiệm chăm sóc dạy dỗ con cái và 12,2% cho rằng đó là trách nhiệm của người chồng.

Mối quan hệ giữa những đặc trưng của người trả lời với ý kiến về người nên chịu trách nhiệm chính trong việc chăm sóc dạy dỗ con cái được trình bày ở bảng 2. Nữ giới cho rằng họ là người nên đảm nhận trách nhiệm này cao hơn ý kiến của nam giới cho rằng trách nhiệm này là của người vợ, 34,6% so với 20,3%. Điều này cũng tương tự khi nam giới tự nhận mình nên là người chăm sóc dạy dỗ con cái cao hơn gấp đôi ý kiến của nữ giới cho rằng đó là trách nhiệm của người chồng, 16,1% so với 9%. Ý kiến cho rằng cả hai vợ chồng như nhau của nam giới cao hơn nữ giới, 63,6% so với 56,5%.

Nghề nghiệp của người trả lời có mối quan hệ với ý kiến về người nên

Bảng 2. Tỷ lệ lựa chọn người nên chịu trách nhiệm chăm sóc dạy dỗ con cái theo một số đặc trưng của NTL (%)

Đặc trưng		Vợ	Chồng	Cả vợ và chồng
Giới tính***	Nam	20,3	16,1	63,6
	Nữ	34,6	9,0	56,5
Tuổi	<30	28,0	4,9	67,1
	30-39	31,6	8,1	60,3
	40-49	28,2	14,5	57,3
	50-59	27,4	13,7	58,8
	60+	25,2	14,2	60,6
Nghề nghiệp**	Cán bộ viên chức	22,5	7,9	69,5
	Sản xuất kinh doanh	27,3	11,7	61,0
	Nông nghiệp/ lao động giản đơn	30,8	14,4	54,8
Mức sống**	Khá giàu	21,2	14,9	63,9
	Trung bình	28,7	11,3	60,1
	Nghèo	36,5	14,4	49,0
Nơi cư trú	Nội thành	26,6	11,9	61,5
	Giáp nội thành	26,1	10,9	63,0
	Xa nội thành	31,3	13,9	54,9

Ghi chú: Mức ý nghĩa thống kê: **p<0,05, ***p<0,01

đảm nhiệm trách nhiệm chăm sóc và nuôi dưỡng con cái. Nhìn chung, người trả lời dù có nghề nghiệp như thế nào thì vẫn cho rằng người chịu trách nhiệm chính việc chăm sóc nuôi dưỡng con cái là của cả hai vợ chồng. Tỷ lệ lựa chọn mô hình này cao nhất ở nhóm cán bộ/nghề nghiệp chuyên môn, khoảng 70%, giảm dần xuống 61% và 55% lần lượt ở nhóm tự sản xuất kinh doanh và nhóm làm nghề nông nghiệp/lao động giản đơn. Số liệu này cũng cho thấy sự khác nhau giữa các nhóm nghề nghiệp khi đề cập đến trách nhiệm chăm sóc nuôi dưỡng con cái, trong đó nhóm làm cán bộ chiếm tỷ lệ cao nhất, sau đó đến nhóm sản xuất kinh doanh và cuối cùng là nhóm làm nông nghiệp/lao động giản đơn. Tỷ lệ cho rằng vợ là người nên đảm nhiệm trách nhiệm chăm sóc và nuôi dưỡng con cái cao thứ hai ở trong tất cả các nhóm nghề nghiệp, trong đó những người làm nông nghiệp chiếm khoảng 31%, những người buôn bán kinh doanh là 27,3% và những người là cán bộ/công tác chuyên môn là 22,5%. Thứ bậc lựa chọn cũng tương tự đối với yếu tố mức sống, theo đó, dù gia đình có

mức sống như thế nào thì người ý kiến người nên chịu trách nhiệm chính chăm sóc nuôi dưỡng là cả hai vợ chồng chiếm tỷ lệ cao nhất, sau đó đến người vợ và cuối cùng là người chồng.

Tuổi và nơi cư trú của người trả lời không có ảnh hưởng đối với ý kiến về người nên đảm nhận việc chăm sóc dạy dỗ con cái vì mối quan hệ giữa hai biến số này không có ý nghĩa thống kê.

4. Kết luận và thảo luận

Việc phân công công việc chăm sóc trẻ em trong các gia đình ở Hà Nội có sự tách biệt rõ rệt về giới. Vai trò chăm sóc con cái của người mẹ không thay đổi khi so sánh giữa những khu vực cư trú hay giữa những nhóm gia đình có mức sống khác nhau.

Vai trò của người bố trong việc chăm sóc con cái cũng được phát huy nhưng ở tỷ lệ thấp hơn, khoảng hai phần ba người bố tham gia chăm sóc con cái. Tỷ lệ người bố ở khu vực nội thành chăm sóc con cái cao hơn ở khu vực xa nội thành có thể là do những chênh lệch trong nhận thức về phân công lao động giới truyền thống.

Sự tham gia của ông bà trong việc chăm sóc cháu cho thấy có nhiều ý nghĩa liên quan đến trách nhiệm, vai trò và tình cảm của thế hệ ông bà. Tỷ lệ chăm sóc cháu của ông bà ở nông thôn (giáp nội thành và xa nội thành) cao hơn khu vực nội thành cho thấy những liên hệ gia đình bền chặt vẫn còn tồn tại ở nông thôn. Mức sống của hộ gia đình không ảnh hưởng đến mức độ tham gia chăm sóc cháu của ông bà.

Mô hình quyết định việc chăm sóc con cái trong gia đình có sự hòa nhập giới với tỷ lệ hai phần ba do cả hai vợ chồng cùng quyết định. Mô hình quyết định chăm sóc con cái do hai vợ chồng có mối liên hệ với nơi cư trú và mức sống. Trong những gia đình cư trú ở khu vực nội thành và có mức sống khá giả hơn, tỷ lệ hai vợ chồng cùng quyết định là cao hơn.

Có một kết quả thú vị là tỷ lệ người vợ quyết định chính việc chăm sóc dạy dỗ con cái cao hơn người chồng. Các yếu tố cá nhân và gia đình có mối liên hệ với quyền quyết định việc chăm sóc dạy dỗ con cái của vợ và chồng. Mỗi liên hệ đó cho thấy văn hóa truyền thống vẫn còn ảnh hưởng đến vai trò mỗi giới trong gia đình. Người chồng cư trú ở khu vực ngoại thành có quyền quyết định cao hơn người chồng cư trú ở khu vực nội thành. Những yếu tố khác như học vấn, nghề nghiệp không làm thay đổi tỷ lệ quyền quyết định của người chồng.

Đối với người vợ, quyền quyết định cuối cùng việc chăm sóc dạy dỗ

con cái không có thay đổi khi so sánh theo nơi cư trú nhưng lại có mối liên hệ với mức sống gia đình, học vấn và nghề nghiệp của người vợ. Trong những gia đình nghèo, quyền quyết định của phụ nữ cao hơn so với những gia đình có mức sống khá giả và trung bình. Có thể do trong những gia đình nghèo người phụ nữ phải đảm nhận vai trò chủ hộ, quyết định chính do người chồng đau ốm, bệnh tật. Học vấn là một yếu tố mang lại nhiều lợi ích cho phụ nữ, trong đó có quyền quyết định cuối cùng việc chăm sóc dạy dỗ con cái. Học vấn thấp khiến phụ nữ bị hạn chế về quan hệ xã hội, trong đó có sự tương tác với người chồng, từ đó dễ rơi vào tình trạng lệ thuộc và không có quyền quyết định trong việc chăm sóc dạy dỗ con cái. Nghề nghiệp quyết định về thu nhập, ảnh hưởng của nhóm quan hệ xã hội, và cơ hội thu nhận thông tin. Vì thế những phụ nữ có nghề nghiệp chuyên môn cao, làm cán bộ Nhà nước có quyền quyết định cuối cùng việc chăm sóc dạy dỗ con cái hơn những phụ nữ làm nông nghiệp hoặc buôn bán dịch vụ/ tiểu thủ công nghiệp.

Sự kỳ vọng về vai trò của người mẹ giảm xuống trong hoạt động chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ em. Điều này thể hiện khi một nửa số người trả lời cho rằng cần phải có sự tham gia của vợ và chồng. Nhưng nếu so sánh với người chồng thì sự kỳ vọng về người vợ vẫn cao hơn. Kết quả phân tích cho thấy ở cả hai giới đều có tỷ lệ cao hơn cho rằng người nên chịu trách nhiệm chăm sóc dạy dỗ con cái là người vợ. Quan niệm về người nên đảm nhận việc chăm sóc trẻ em trong gia đình có sự khác biệt về giới tính, nghề nghiệp và mức sống. Tỷ lệ cho rằng chăm sóc và nuôi dưỡng con cái là trách nhiệm của người vợ cao hơn ở nhóm làm nông nghiệp/lao động giản đơn và có mức sống thấp so với những nhóm nghề nghiệp khác. Ngược lại, tỷ lệ cho rằng trách nhiệm chăm sóc nuôi dưỡng con cái là của vợ và chồng là cao hơn ở nhóm có chuyên môn và mức sống khá giả do có khả năng tiếp cận thông tin và nhận thức về sự chia sẻ, phân công giữa vợ và chồng trong công việc chăm sóc nuôi dưỡng con cái.

Với thực tế là người đảm nhận chính, quyết định chính và được kỳ vọng nhiều hơn trong hoạt động chăm sóc con cái, người phụ nữ luôn phải tìm cách làm thế nào để việc chăm sóc con cái được đảm bảo và cân đối với những vai trò khác trong và ngoài gia đình. Gánh nặng công việc chăm sóc con cái vẫn được đặt trên vai người phụ nữ dù họ vẫn đảm nhiệm các công việc mang lại thu nhập không thua kém gì người chồng. ■

Tài liệu trích dẫn

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan khác. 2008. *Kết quả điều tra gia đình Việt Nam năm 2006*. Hà Nội: Nhà xuất bản Thống kê.
- John Knodel và những người khác. 2008. Phân công giới trong lao động gia đình ở Việt Nam. Đại học Michigan: Báo cáo nghiên cứu.
- Lê Thi. 1995. *Vai trò của gia đình trong việc hình thành và phát triển nhân cách con người Việt Nam*. Hà Nội: Chương trình khoa học cấp Nhà nước KX07-Đề tài KX07.09.
- Lê Thi. 2009. “Phân công lao động và quyết định công việc gia đình (qua nghiên cứu ở Hưng Yên và Hà Nội).” *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*, số 5.
- Mai Huy Bích. 2003. “Vài nhận xét về vai trò chăm sóc dạy dỗ của người cha”. *Tạp chí Xã hội học*, số 2.
- Trần Hữu Bích. 2010. “Vai trò của người cha – mối liên hệ giữa sự tham gia sörm và sự tham gia của người cha vào chăm sóc trẻ”. *Tạp chí Xã hội học*, số 2.
- Trần Quý Long. 2008. “Lao động nội trợ của phụ nữ nông thôn và các yếu tố tác động (Nghiên cứu tại xã Phú Đa, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên-Huế)”. *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*, số 6.
- Trần Thị Vân Anh. 2001. “Giới và phát triển nông thôn”. Hà Nội: Tài liệu giảng dạy Chương trình nghiên cứu Việt Nam – Hà Lan.
- Trần Thị Vân Anh và Nguyễn Hữu Minh. 2008. *Bình đẳng giới ở Việt Nam*. Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học xã hội.
- UNICEF Việt Nam. 2000. *Phân tích tình hình phụ nữ và trẻ em ở Việt Nam*. Hà Nội.
- Vũ Mạnh Lợi. 2004. Phân công lao động trong gia đình. Trong: Vũ Tuấn Huy (chủ biên). Xu hướng gia đình ngày nay. Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học xã hội.
- Vũ Tuấn Huy. 1996. *Sự biến đổi cơ cấu gia đình nông thôn ở đồng bằng Bắc Bộ*. Hà Nội: Luận án phó tiến sĩ.
- Vũ Tuấn Huy và S. Deborah. 2000. “Phân công lao động nội trợ trong gia đình”. *Tạp chí Xã hội học*, số 4.